

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 858/QĐ-CAT-CSGT

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số **136** thí sinh, trong đó: hạng B: 95 thí sinh, hạng C1: 18 thí sinh, hạng C: 23 thí sinh (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày **03/02/2026**, tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng (địa chỉ: thôn Khánh Thành, xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Lê Thị Mỹ Lương - Phó Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát giao thông, Chủ tịch Hội đồng.

2. Đồng chí Trung tá Biện Lê Quý, Chức vụ: Đội trưởng, Phòng Cảnh sát giao thông, Phó Chủ tịch Hội đồng.

3. Ông: Đặng Lê Nhật Nguyên, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng, Ủy viên Hội đồng.

4. Đồng chí Đại úy Nguyễn Quang Đạt - Chức vụ: Cán bộ, thư ký.

5. Các sát hạch viên:

- Đồng chí Trung tá Lê Hữu Tuấn, sát hạch viên;

- Đồng chí Trung tá Đồng Thành Trung, sát hạch viên;

- Đồng chí Thiếu tá Trần Thanh Tân, sát hạch viên;

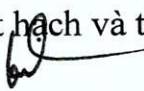
- Đồng chí Trung tá Phan Ngọc Tuấn, sát hạch viên;

- Đồng chí Trung tá Trần Hữu Thọ, sát hạch viên;

- Đồng chí Đại úy Đào Văn Quyết, sát hạch viên.

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại Điều 1, 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, CSGT (SHLX).



Đại tá Lê Quang Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 858/QĐ-CAT-CSGT ngày 26/01/2026 của Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	ĐỖ HỒNG AN	11/20/2003	056203011350	304/15 LHP Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560233005822/A1	56003-20250923083719597	
2	ĐẶNG NHỰT TUẤN ANH	7/6/2002	056202004039	Phò Thiện X. Diên Phước, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000811	
3	NGUYỄN NHẬT ANH	6/5/2007	056207001712	Đồng Dinh Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250717093823937	
4	HÀN VƯƠNG QUỐC ANH	3/18/1991	056091006111	24 Đồng Nai, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-2025090315472623	
5	NGUYỄN QUỐC ANH	6/20/1991	056091005450	121 Võ Thi Sau Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250922110434203	
6	BÙI LÊ TUẤN ANH	5/20/1995	056095006080	Thanh Minh1 Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560131003850/A1	56003-20250922121809307	
7	ĐỖ QUANG ANH	9/28/2001	056201005515	Dầu Sơn Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560203000712/A1	56003-20250923162637203	
8	NGUYỄN SỸ BÁCH	11/14/1997	022097001662	Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh	Hợp Lệ	560197382391/A1	56003-20250828134230577	
9	PHAN HOÀNG BÁCH	2/27/2002	056202003225	240B Ngõ Gia Tự, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250828094410	
10	HOÀNG VĂN BẢO	12/10/1974	056074002213	90 Ngõ Đến, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250907151119937	
11	TRƯƠNG QUỐC BẢO	4/20/1991	056091010035	Thôn Quảng Đức, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250911074344037	
12	TẠ ĐỒNG BIỂN	6/27/1989	034089017072	Tổ 28 Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Hợp Lệ	AL743187/A1	56003-20250922102956567	
13	VÕ DUY CẨM	5/6/1984	056084006034	Thanh Minh 3 Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560104008004/A1	56003-20250923080623673	
14	NGUYỄN ĐÌNH CHÍ	4/8/1999	056099009470	9/3A Trường Sa, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560195377485/A1	56003-20250807081747997	
15	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	8/6/2005	056205011634	Phước Long Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560233006911/A1	56003-20250923090520697	
16	VÕ THỊ KIM CHINH	10/15/1985	056185012516	169 Trần Nguyên Hãn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250916170459453	
17	PHẠM VĂN CƯỜNG	11/18/1999	056099001361	Tổ 6 Vĩnh Diễm P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560242000636/A1	0000812	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
18	TÔN VŨ CƯỜNG	9/24/1985	056085003316	Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ	790057315610/A1	56003-20250927085836253	
19	NGÔ QUỐC CƯỜNG	11/29/2002	056202004313	Thôn Tân Thành Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250713095421997	
20	DIỆU TUẤN ĐẠT	11/16/1981	044081009739	60B/08 Thái Nguyên Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	MẮT /A2	56003-20250906103029703	
21	NGÔ TIẾN ĐẠT	11/21/2003	056203000278	Thôn Đồng Dinh Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560222004201/A1	56003-20250923135901597	
22	PI NĂNG LY DIN	5/11/1985	056085009052	Thôn Suối Xã Tây Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-2025071113423340	
23	HOÀNG NGỌC DỤ	2/20/1987	038087047103	Tổ 1 TT. Khánh Vĩnh, H. Khánh Vĩnh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560208008935/A1	0000367	
24	NGUYỄN HỮU DŨNG	7/30/1981	058081005489	Hẻm 5,Tổ 12, Vĩnh Hội, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250819144149807	
25	NGUYỄN MAI DUYÊN	3/26/2003	056303009672	Thanh Mỹ Xã Tân Định, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250916170821597	
26	DUƠNG THANH HẢI	1/30/1980	056080004161	Xuân Sơn X. Vĩnh Trung, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560024001776/A1	0000817	
27	PHAN THỊ HÂN	4/8/1992	049192010465	CH 903 CC Hud, 4 N.T.T Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561145001188/A1	56003-20250930123247130	
28	ĐÌNH THỊ THU HẰNG	9/18/1998	056198007853	Thôn Hội Phước, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561179002665/A1	56003-20250830150614430	
29	NGUYỄN THỊ HẠNH	8/20/1984	030184016613	Lô 140, Khu A Lê Hồng Phong, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AD059387/A1	56003-20250910104948907	
30	PHẠM ĐỨC HÈN	2/5/1982	056082010753	Trung Nam Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560056001504/A1	56003-20250920140420793	
31	HUỲNH VĂN HIỀN	11/22/1993	056093000080	Hòn Ró X. Phước Đồng, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	056093000080/A1	0000820	
32	LÊ ĐỖ XUÂN HIỀN	12/11/2003	056203005339	Lợi Hưng Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	580228011144/A1	56003-20250926102532443	
33	NGUYỄN THÁI HỒ	6/25/1976	056076000199	Thôn Thủy Ba Xã Cam An, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560030010348/A1	56003-20250930090436527	
34	HOÀNG NHƯ HÒA	9/16/2004	056204009550	Dầu Sơn Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560224012259/A1	56003-20250930084242640	
35	NGUYỄN PHI CHUNG HOANG	12/25/2002	054202002500	Liên Thạch Xã Sơn Thành, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ		56003-20250925102325600	
36	DUƠNG VĂN HOÀNG	11/2/1999	056099009228	12/4 Võ Thị Sáu P. Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560239003767/A1	0000614	
37	LÊ KHẮC HOÀNG	1/19/2003	056203004328	Tân Đảo X. Ninh ích, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560237007653/A1	0000615	
38	LÊ XUÂN HOÀNG	6/20/2001	056201008955	Thuận Lợi Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560197380050/A1	0000740	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
39	NGUYỄN XUÂN NHẬT HỘI	10/1/1999	056099009266	Xuân Cam Xã Vạn Hưng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560192382206/A1	56003-20250925155908477	
40	LƯU THỊ TUYẾT HỒNG	10/6/1989	070189007119	Ấp Tân Lợi Xã Lộc Quang, Tỉnh Đồng Nai	Hợp Lệ	AQ769697/A1	56003-20250911170206010	
41	NGUYỄN THỊ HỒNG	4/1/1994	056194000869	Thôn 2, Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250926111552183	
42	NGUYỄN BẢO HUÂN	10/13/1987	056087009252	Lễ Thạnh Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AC075914/A1	56003-20250923145717137	
43	LÊ NHƯ HÙNG	7/28/1994	056094008006	03.20. Tổ 3, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560145005987/A1	56003-20250912110902827	
44	NGÔ QUANG HƯNG	2/26/2002	056202006223	152/4/18 Trần Quý Cáp Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560206003433/A1	56003-20250922100030437	
45	NGUYỄN TẤN HÙNG	7/24/1994	056094003034	TDP Thuận Lợi Phường Hòa Thắng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560155002187/A1	56003-20250922101331657	
46	NGUYỄN NHẬT HUY	9/2/2003	056203011675	Phước Lộc X. Phước Đồng, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000617	
47	TRẦN KHẮC HUY	9/17/1976	033076010102	Bình Khê Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AH733012/A1	56003-20250926100303193	
48	NGÔ VŨ QUỐC HUY	8/28/1991	056091013013	326/42/Lê Hồng Phong, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560104007429/A1	56003-20250819165334297	
49	NGUYỄN NHẬT HUY	6/6/2006	054206001039	Thôn Hội Phú, Xã Tuy An Đông, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ		56003-20250819165437983	
50	NGUYỄN TẤN KHẢI	7/16/2003	056203009386	Thôn Thành Đạt, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250819170627217	
51	LƯU QUỐC KHÁNH	9/9/2003	056203013747	36 Trần Phú P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560247001784/A1	0000619	
52	LÊ VĂN KHÁNH	12/20/1997	056097003673	Tân Xương 2, Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	2117208/A1	56003-20250819170834960	
53	TRẦN VĂN KHÔI	3/29/1997	056097009496	Thôn 5 X. Ninh Sơn, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000710	
54	NGUYỄN AN KHÔI	8/23/1998	056098003716	Tổ Dân Phố 15, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560208009295/A1	56003-20250910082606	
55	ĐỖ HÙNG KHƯƠNG	3/25/1997	056097009868	Xuân Vinh X. Vạn Hưng, H. Vạn Ninh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000711	
56	LÝ THỂ LÂN	5/25/1977	056077008905	Thôn 4 Xã Diên Điện, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	K849344/A1	56003-20250927093811	
57	MÈ NGỌC HOÀNG LIÊN	6/17/1999	056199005557	Thôn Thanh Minh 2, Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561192689548/A1	56003-20250910143939097	
58	NGUYỄN VÂN KHÁNH LINH	10/10/2000	056300002746	Dinh Thành 1 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561226002530/A1	56003-20250927104649880	
59	VŨ NGỌC THÙY LINH	5/18/1992	060192007885	Vĩnh Diễm Trung, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AS446622/A1	56003-20250829090647387	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
60	NGUYỄN THÙY LINH	12/1/1992	056192013265	Lễ Thạnh, Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AT298954/A1	56003-20250918091912983	
61	LÊ XUÂN LỘC	12/21/1998	056098002151	52/13 Trần Phú, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560172001471/A1	56003-20250904084232573	
62	NGUYỄN PHƯỚC LONG	6/17/2000	056200008984	33 Chí Linh Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560180011198/A1	0000207	
63	TRẦN THỊ KIỀU LY	3/20/1991	056191001715	20 Cửu Long, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	461101804656/A	56003-20250830153818970	
64	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	9/22/1992	040192044117	17/6 Đường Số 9 Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561114001748/A1	56003-20250930123044483	
65	NGUYỄN THỊ THƯƠNG MẾN	6/28/1995	064195006617	Thôn 2, Xã Biển Hồ, Tỉnh Gia Lai	Hợp Lệ	461177009298/A1	56003-20250910104619120	
66	NGUYỄN VĂN MINH	10/20/2002	056202008136	Quảng Phúc X. Cam Thành Nam, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560212001557/A1	0000620	
67	LÊ DUY MINH	7/13/1992	056092010500	Thạch Thành, Xã Tân Định, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250907153817240	
68	LÊ NGUYỄN TRÀ MY	11/20/1990	051190010067	6 Dương Văn Nga, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561135003808/A1	56003-20250909085214397	
69	NGUYỄN MỸ	4/11/1969	056069008925	Phước Tuy 2 X. Diên Phước, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000826	
70	TRẦN KHOA NAM	1/2/1995	056095011797	Phú Khánh Hạ Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250927082239950	
71	NGUYỄN TUẤN NGỌC	8/19/1980	079080030052	Xuân Lập X. Cam Tân, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000378	
72	TRẦN NGỌC	8/10/1977	079077033800	P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh	Hợp Lệ		0000827	
73	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	11/12/2002	056302006186	TDP Phú Diêm, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250910084625657	
74	NGUYỄN QUỐC BÌNH NGUYỄN	11/27/2004	040204002295	Khối 2 Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	Hợp Lệ	400232011065/A1	56003-20250930083644137	
75	TRẦN PHẠM TIẾN PHÁT	10/12/1982	056082003375	36/2 Đồng Nai Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AS375149/A1	56003-20250930123416200	
76	NGUYỄN ĐÌNH PHI	4/18/2001	056201004254	Vĩnh Cát, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250820081225677	
77	HUỲNH KHÁNH PHONG	4/20/1994	056094003426	Phước Tuy 2 Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AV901055/A1	56003-20250918152231673	
78	NGUYỄN NGỌC PHÚ	10/22/2003	054203007710	Tổ 1 Trường Sơn P. Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560228004171/A1	0000715	
79	HỒ VĂN PHÚC	2/4/1987	056087011554	72 Lý Nam Đế P. Phước Long, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000716	
80	ĐỖ QUANG PHỤC	6/25/1974	030074012899	P. Tân Hưng, TP. Hải Dương, T. Hải Dương	Hợp Lệ		0004946	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
81	NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG	5/15/1998	056198005447	Thôn Tân Dân 1, Xã Vạn Thắng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561186004948/A1	56003-20250907153707140	
82	NGUYỄN TRỌNG PHƯỚC	12/22/1980	056080004567	Tổ 15 Ngọc Sơn Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250820081510627	
83	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	9/11/1992	038192019362	Phan Bội Châu 1 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	Mắt/A1	56003-20250930122945480	
84	NGÔ KHÁNH PHƯƠNG	5/3/2001	056201002226	Thôn Phú Hội 2, Xã Vạn Thắng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250819171203557	
85	NGUYỄN DUY BẢO QUÂN	1/5/2000	056200002882	161 Hoàng Văn Thụ Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-2025022609412996	
86	NGUYỄN NGỌC QUÂN	11/19/2002	056202005365	Thôn Lạc Lợi Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560256002673/A1	56003-20250923081404510	
87	HỒ NHẬT QUANG	5/16/2003	056203002826	04 Đào Duy Từ Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560213005572/A1.	56003-20250927113256640	
88	PHAN VĂN QUỐC	1/21/1988	056088002787	Tân Hải TT. Cam Đức, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000623	
89	NGUYỄN BẢO QUỐC	6/30/2000	056200002554	Mỹ Ca, Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250915153707190	
90	NGUYỄN BẢO QUỲNH	8/22/2001	056301011985	115 Yersin Phường Tây Nha Trang Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561205006401/A1	0000851	
91	ĐẶNG THANH SANG	4/14/2001	056201002632	Đồng Cau X. Suối Tân, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560198383210/A1	0000624	
92	VŨ VIỆT MINH SANG	7/13/1999	056099003910	Thôn 2 X. Diên Đồng, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000720	
93	NGUYỄN NAM SANG	5/13/1996	056096004616	Dầu Sơn Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560204014105/A1	56003-20251006083356843	
94	HỒ HOÀNG SƠN	1/24/1998	056098003828	TDP Số 5 Xã Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560169003972/A1	56003-20250920092715110	
95	TRẦN TUẤN TÀI	9/15/2002	056202011533	90/18 Đồng Nai Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560219003048/A1	56003-20250923093646613	
96	NGÔ NGUYỄN THIÊN TÂM	3/10/1999	056099006607	Thôn Tân Hải, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560176004652/A1	56003-20250828142700660	
97	NGUYỄN THỊ TÂM	7/30/1994	064194011199	Thôn Trung, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250826103538783	
98	PHAN NHẬT TÂN	8/6/1988	056088009402	Thôn Nam 3 X. Diên Sơn, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560063004930/A1	0000626	
99	TRẦN THÀNH THÁI	10/30/2003	079203005462	168/86/16 Bình Trị Đông Xã Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ		56003-20250927153626330	
100	HÀ THỊ HỒNG THẨM	11/5/1976	001176054354	138A Nguyễn Hữu Huân, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561975000052/A1	56003-20250827103107243	
101	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG THANH	9/24/2003	056303001324	An Định Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250922161743777	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
102	NGUYỄN NHẬT THÀNH	10/26/1988	056188002410	Thôn Phò Thiện, Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AB124411/A1	56003-20250830153530393	
103	ĐÌNH HẢI THÀNH	9/5/1990	056090012341	1/12 Máy Nước, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250913103106183	
104	LÊ THỊ BÁCH THẢO	8/12/1988	046188009672	120/7A Đồng Nai Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250930152601377	
105	BÙI XUÂN THỊNH	7/30/1987	056087001307	02 Xương Huân Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	X459769/A1	56003-20250923140115673	
106	ROSTTE NGUYỄN THỦY	6/20/1991	056191009208	102 Đình Công Tráng Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ		56003-20250922090822710	
107	LÊ THỊ MINH THỦY	3/11/1964	046164004133	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250710104541653	
108	MAI THỊ THANH THỦY	4/19/1996	038196036965	Thôn Phước Tân, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561141004028/A1	56003-20250910151633	
109	VÕ DIỆP THÀNH THUYẾT	7/25/2000	056200004144	Phước Trạch X. Diên Toàn, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-2025031814352749	
110	TRIỆU THỊ CẨM TIỀN	12/2/1993	064193010054	Phước Thượng Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AV917798/A1	56003-20250927105041063	
111	NGUYỄN LÂM MẠNH TIẾN	11/27/2002	056202001446	Tổ 8 Phú Thạnh Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560244008171/A1	56003-20250927140134710	
112	VŨ VĂN TIỆP	5/25/1995	026095011679	Thôn Tam Kỳ 1, Xã Liên Châu, Tỉnh Phú Thọ	Hợp Lệ	560143001973/A1	56003-20250830151908660	
113	PHAN DUY TOÀN	12/6/2001	056201000698	Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001042	
114	NGUYỄN MẠNH TỐI	5/18/2001	056201000857	01 Đồng Nai, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560200008658/A1	56003-20250907090243790	
115	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	1/20/1998	056198010053	58 Trường Sa Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561163000833/A1	0000228	
116	HỒ QUỲNH TRANG	6/19/1989	042189010678	391/7 Lê Hồng Phong Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561070002720/A1	56003-20250918160830353	
117	NGÔ THỊ THU TRANG	12/28/1991	056191000753	Phước Trạch Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AU136047/A1	56003-20250828142946343	
118	PHÍ THỊ THÙY TRANG	7/18/1994	068194007647	Thôn 3, Phường 3 Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng	Hợp Lệ	561150001560/A1	56003-20250922103905420	
119	HUỲNH THỊ MỸ TRÚC	3/24/2006	056306007305	Thôn Tân Mỹ, Xã Tân Định, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250910151939113	
120	NGUYỄN THANH TRUNG	6/15/2000	056200001263	Thôn 4 X. Ninh Sơn, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000729	
121	NGÔ KHẮC TRUNG	7/7/1994	056094007497	Tân Phước Tây Xã Tu Bông, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	540138489743/A1	56003-20250923102545697	
122	NGUYỄN TRÍ TRUNG	11/23/2002	056202008697	68 Vạn Hòa, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250907151326593	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
123	LÊ XUÂN TRƯỜNG	7/19/1991	044091005823	Thôn An Hải Đông Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng	Hợp Lệ		56003-20250922103750797	
124	NGUYỄN THANH TỰ	4/4/2000	056200005966	Phú Lộc Tây 1 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560187008838/A1	56003-20250926102850883	
125	NGUYỄN ĐỨC TRIỆU TUÂN	11/10/1981	056081005772	11 Phước Tường, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560142007658/A1	56003-20250911170516740	
126	TRẦN QUỐC TÙNG	3/4/2002	056202007282	Phú Cang 2 Nam Xã Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560204003837/A1	56003-2024072209580949	
127	LÊ THANH TUYỀN	9/28/2002	056302000690	Bình Khánh Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561231002093/A1	56003-20250930122747467	
128	TRƯƠNG THỊ HỒNG VÂN	9/2/1992	056192002929	Lộc Thành Phường Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561112000567/A1	56003-20250919074925003	
129	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	9/10/1984	038084042356	1/6 Đường 5 Việt Bắc Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560070004864/A1	00319	
130	LÊ THÀNH VIỆT	4/2/2003	056203000667	Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560248001145/A1	56003-20250812154732173	
131	VÕ THÀNH VINH	10/8/2005	056205000132	25/10 Tân Phước, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560234006822/A1	56003-20250906093850460	
132	PHAN THỤY VŨ	5/1/1972	056172008374	Lô 34, Đường A4 Tđc VCN Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	H723807/A1	56003-20250926161102980	
133	TRẦN DUY THẢO VY	9/29/1995	056195007423	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-2025090514125936	
134	NGUYỄN THỊ THẢO VY	9/10/1989	056189012365	Phú Lộc Tây 1 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AG015908/a1	56003-20250926103127697	
135	NGUYỄN KHẮC TƯỜNG VY	2/8/1991	056191007390	Tân Lập Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250930122836350	
136	NGUYỄN THIÊN XUÂN	8/6/1990	030090000281	Thôn Thuần Mỹ Xã Hà Đông, Thành phố Hải Phòng	Hợp Lệ	AK410246/A1	56003-20250922102841903	